

Bản án số: 238/2020/HC-PT

Ngày 26 tháng 6 năm 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ; cưỡng chế thu hồi đất; giải quyết khiếu nại về đất đai và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2018/TLPT-HC ngày 19/3/2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ; cưỡng chế thu hồi đất; giải quyết khiếu nại về đất đai và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1005/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 49/33/2, đường Ng, phường T, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.

***Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H1:*** Ông Lê Văn H (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020) (có mặt).

**- Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N;

***Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N:*** Ông Phạm Văn H2 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N:*** Ông Hồ Xuân H3 - Trưởng phòng Quản lý đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố Ph;
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph;

***Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Ph và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph:*** Ông Bùi Văn P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph (có đơn xin vắng mặt).

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Trần Minh Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph (có đơn xin vắng mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph:*** Ông Nguyễn H4 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ph (có mặt).

**- Người kháng cáo:**

1. Ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1;
2. Ủy ban nhân dân thành phố Ph, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Người khởi kiện - ông Lê Văn H trình bày:**

Vào tháng 3/1992 gia đình bên ngoại cho vợ chồng ông một mảnh vườn để xây dựng nhà ở và trồng trọt nên vợ chồng ông đã xây dựng một căn nhà cấp 4A. Ngày 06/5/1993 cha ông là Lê Văn N đến Hợp tác xã nông nghiệp phường T và Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường T làm giấy chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông tại thửa số 55, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.230m<sup>2</sup> và được Hợp tác xã nông nghiệp phường T và UBND phường T xác nhận ngày 15/5/1993 cho vợ chồng ông ở và canh tác ổn định từ năm 1992 cho đến nay.

Vào ngày 21/5/2004 ông đến UBND phường T làm đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất, sau đó cán bộ địa chính phường, thị xã tự làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Trong hồ sơ có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/4/2005 do cán bộ địa chính phường tự viết xác nhận ông có nhà ở cấp 4A và diện tích đất nhà ở 150m<sup>2</sup> có trước năm 1993 tại thửa 94, tờ bản đồ số 2 tổng diện tích 603m<sup>2</sup> có nguồn gốc cha tặng cho con vào

năm 1993. Biên bản kiểm tra thực tế việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/2005 do cán bộ địa chính phường tự viết và xác định hiện trạng sử dụng đất, hồ sơ xác nhận trên đất có xây dựng nhà ở từ trước năm 1993, thời điểm sử dụng đất từ ngày 06/5/1993 có xác nhận của cán bộ địa chính, Chủ tịch UBND phường Thành Sơn nhưng không có chữ ký của chủ hộ. Ngày 08/8/2005 UBND thị xã Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 342866 cho ông là trái với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Năm 2010 UBND tỉnh có Dự án quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph nên UBND thành phố cử cán bộ kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất của ông nên ông mới biết việc UBND thị xã Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó cho gia đình ông là sai trái.

Khi kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất cán bộ kiểm kê không ghi nhận con đường đi phía trước là đất của gia đình ông tự mở cho em gái là Lê Thị H5 diện tích 74,9m<sup>2</sup>. Diện tích 117m<sup>2</sup> đất phía sau nhà ông thuộc thửa số 50 được ông canh tác ổn định từ năm 1992 cho đến nay, nhưng khi bị UBND thành phố thu hồi ông lại không được bồi thường phần diện tích đất này, đến tháng 7/2017 UBND thành phố Ph tự quy chủ cho cha ông là ông Lê Văn N. Sau ngày 19/4/2017 UBND thành phố đã đến đo đạc lại phần diện tích đất của gia đình ông. Thực tế diện tích nhà ở là trên 412m<sup>2</sup>, diện tích đường đi phía trước nhà 74,9m<sup>2</sup> và diện tích vườn phía sau nhà 117m<sup>2</sup>. Như vậy diện tích đất của gia đình ông là 603,9m<sup>2</sup> và thêm phần diện tích cha cho con là 600m<sup>2</sup> tổng diện tích là 1.203,9m<sup>2</sup>.

Ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bổ sung do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1).

Ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph.

Không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 1064 ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph, ông khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện:

- Hủy Giấy CNQSDĐ số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã Ph cấp cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H (nay là UBND thành phố Ph);

- Hủy Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

- Hủy Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 - 1964 khi

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

- Hủy Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị H1;

- Hủy Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của Bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà 49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph;

- Hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).

**Người bị kiện - UBND Thành phố Ph và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph do người đại diện theo pháp luật trình bày:**

Thứ nhất, UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1):

Thực hiện các Thông báo của UBND tỉnh N: Thông báo số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010 về việc thu hồi đất bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1); Thông báo số 53/TB-UBND ngày 01/7/2010 về việc thu hồi đất bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1); Thông báo số 21/TB-UBND ngày 14/3/2011 về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1).

Xét đề nghị của phòng Tài Nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1794/TTr-TNMT ngày 29/7/2013, UBND thành phố Ph đã ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc thu hồi 381m<sup>2</sup> đất có nhà ở tại đô thị do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T (thửa đất số 94, tờ bản đồ địa chính số 2 (10)) để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1).

Vì vậy UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, UBND thành phố Ph ban hành các Quyết định bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1).

Căn cứ Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N.

Trên cơ sở tờ trình của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N; xét đề nghị tại Tờ trình số 1776/TTr-TNMT ngày 12/9/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Ph đã ban hành Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố. Đồng thời cùng ngày, Ủy ban thành phố ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 325.928.248 đồng (Trong đó: Bồi thường về đất là 26.670.000 đồng, hỗ trợ vật kiến trúc là 191.022.188 đồng, bồi thường hoa màu 5.982.500 đồng, hỗ trợ khác là: 102.253.560 đồng)

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh, UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 về việc bồi thường hỗ trợ bổ sung giá đất cho hộ bà Lê Thị H1 với tổng số tiền là 13.030.200 đồng.

Căn cứ bảng tài sản vật kiến trúc của UBND tỉnh vào năm 2015 tại Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 về việc bồi thường hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc cho hộ bà Lê Thị H1 với tổng số tiền là 83.439.160 đồng.

Đối chiếu với quy định nêu trên việc UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố là đúng theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, Trình tự ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Ph:

Không đồng ý với các quyết định thu hồi, bồi thường nêu trên hộ bà Lê Thị H1 có đơn khiếu nại đến UBND thành phố với nội dung: Đề nghị kiểm tra đo đạc lại diện tích đất thu hồi; xem xét lại giá đất nhà ở và vật kiến trúc; cấp 01 lô đất tái định cư cho gia đình bà.

Việc đề nghị xem xét lại giá đất; giá nhà ở, vật kiến trúc bồi thường cho gia đình bà:

Căn cứ mục a bảng số 6 Bảng giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh N và căn cứ khoản 2 Điều 30 của Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Tại Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph đã bồi thường đất nông nghiệp tại địa bàn thành phố Ph là:  $70.000 \text{ đồng/m}^2 \times 318 \text{ m}^2 = 26.670.000 \text{ đồng}$  và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (không vượt qua 5 lần hạn mức giao đất tại địa phương) là:  $264.600 \text{ đồng/m}^2 \times 381 \text{ m}^2 = 100.812.600 \text{ đồng}$  đúng quy định của pháp luật.

Về giá nhà ở, vật kiến trúc: Căn cứ bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc ban hành kèm theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày

15/8/2011 của UBND tỉnh N và điểm b, khoản 2 Điều 22 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N thì việc bà Lê Thị H1 yêu cầu xem xét lại giá đất; giá nhà ở, vật kiến trúc bồi thường là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Việc đề nghị cấp 01 lô đất tái định cư cho gia đình bà: Diện tích thu hồi của hộ bà Lê Thị H1 là diện tích đất nông nghiệp nên việc bà yêu cầu cấp 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Thứ tư, về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB342866 ngày 08/8/2005 cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H:

Ngày 21/5/2004 bà Lê Thị H1 làm đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất thửa số 94 tờ BĐDC số 2-(10) diện tích 466,5m<sup>2</sup> đất HNK (đất có nguồn gốc cha cho từ năm 1993) thuộc phường T. Vị trí: Đông giáp đất Lê Thị H5, Tây giáp đất Lê H6, Nam giáp đất Lê P1, Bắc giáp đất Lê Thị H7. Được UBND phường T xác nhận ngày 21/5/2004.

Ngày 07/4/2005 hộ bà Lê Thị H1 và chồng là ông Lê Văn H có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ số 2-(10) diện tích 603m<sup>2</sup> đất màu. Đã được UBND phường T xác nhận: Đất do cha mẹ ruột để lại năm 1993, đất sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch.

Ngày 27/6/2005 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Ph thẩm tra và xác nhận việc đăng ký quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ số 2-(10) diện tích 603m<sup>2</sup> đất hàng năm khác của hộ bà Lê Thị H1 là phù hợp và được phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ph xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 388/TT-TNMT ngày 01/8/2005. UBND thị xã Ph ban hành Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 08/8/2005 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ số 2-(10) diện tích 603m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 342866 ngày 08/8/2005 cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H với diện tích đất là 603m<sup>2</sup> thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 2-(10), mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm.

Do vậy, việc bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã (nay là thành phố) Ph là không có cơ sở.

Căn cứ khoản 2,3 Điều 30, điểm b khoản 4 Điều 58, Điều 60, Điều 63 Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N.

Căn cứ Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh N tại Văn bản 3121/UBND-NC ngày 03/8/2017 về việc tổ chức làm rõ, cung cấp chứng cứ xác định thời điểm

xây dựng nhà của hộ bà Lê Thị H1, trong đó có nội dung yêu cầu UBND thành phố tổ chức lập thủ tục thu hồi phần diện tích 74,9m<sup>2</sup> đất làm đường đi theo hồ sơ trích lục của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 1030/TTr-TNMT ngày 10/8/2017, UBND thành phố Ph đã ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 về việc thu hồi đất bổ sung do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1) thu hồi bổ sung 74,9m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 94 tờ bản đồ địa chính số 02 phường T.

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1031/TTr-TNMT ngày 10/8/2017 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ bổ sung cho 01 hộ khi Nhà nước thực hiện dự án khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph.

Hộ bà Lê Thị H1 đã được phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ tại Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố nên UBND thành phố tiếp tục tổ chức lập thủ tục bồi thường hỗ trợ bổ sung theo phương án đã được phê duyệt. Do đó UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1), theo đơn giá bồi thường về đất là 70.000 đồng, hỗ trợ 30% giá đất ở trung bình trong địa giới hành chính phường tại khu vực có đất bị thu hồi với đơn giá là 298.800 đồng/m<sup>2</sup> với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 27.623.120 đồng.

Từ nội dung trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1.

**Người bị kiện -Chủ tịch UBND tỉnh N do người đại diện theo pháp luật trình bày:**

- Về nguồn gốc đất:

Nguồn gốc khu đất hộ bà H1 sử dụng và bị thu hồi được cha mẹ bà là ông Lê Văn N và bà Lý Thị Ch cho vợ chồng bà vào năm 1992 để xây dựng nhà ở. Tuy nhiên đến ngày 06/5/1993, vợ chồng ông Lê Văn N, và bà Lý Thị Ch mới chính thức lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H với diện tích là 600 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ địa chính số 01, phường T.

Trong quá trình sử dụng năm 2002 - 2003 hộ bà H1 đã thực hiện chuyển nhượng 207m<sup>2</sup> (ông Trần Thanh S 100m<sup>2</sup>; ông Phan Thanh S1 107m<sup>2</sup>). Tuy nhiên khi lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận, hộ bà H1 không kê khai diện tích đất đã chuyển nhượng nên ngày 08/8/2005, UBND thị xã Ph đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB324866 cho hộ bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H với tổng diện tích là 603m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 94, tờ bản đồ địa chính số 2(-10), phường T, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm.

- Về bồi thường 381m<sup>2</sup> theo giá đất ở:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB324866 ngày 08/8/2005, do UBND thị xã Ph cấp cho hộ bà H1, thì diện tích 381m<sup>2</sup> đất bị thu hồi có mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: “Nhà nước thu hồi đất của người nào đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất...”. Do vậy, việc UBND thành phố Ph quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà H1 diện tích 381m<sup>2</sup> theo giá đất nông nghiệp là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nâng giá bồi thường nhà, vật kiến trúc từ 80% lên 100%:

Qua kiểm tra hồ sơ, thời điểm xây dựng nhà của hộ bà H1 như sau: Diện tích 67,04m<sup>2</sup> (nhà ở cấp 4A, nhà tắm, nhà vệ sinh) được xây vào thời điểm năm 1992; và diện tích còn lại là 30,78m<sup>2</sup> (nhà cấp 4C, 1 tầng, mái tôn) được xây dựng vào năm 2000.

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 22 Quyết định số 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh N: “Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này hoặc xây dựng trên đất nông nghiệp nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ 80% mức bồi thường quy định tại Điều 21 của Quy định này”. Do đó, việc UBND thành phố Ph bồi thường, hỗ trợ 80% nhà, vật kiến trúc cho hộ bà H1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N giữ nguyên Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của Bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà 49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:**

*Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 116, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*



*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;*

*Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.*

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 về việc:*

*- Hủy Điều 1 đối với phần bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất của Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 - 1964 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);*

*- Hủy Điều 1 đối với phần “giữ nguyên Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph” của Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị H1;*

*- Hủy Điều 1 Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của Bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà 49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph;*

*2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 về việc:*

*- Hủy Giấy CNQSDĐ số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã Ph cấp cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H (nay là UBND thành phố Ph);*

*- Hủy Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);*

*- Hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;*

*- Hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).*

*Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.*

*Ngày 21/02/2018, ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm, hủy 07 Quyết định hành chính; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân*

thành phố Ph thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc công nhận diện tích đất thực tế của ông H, bà H1 đang sử dụng ổn định, hợp pháp để thu hồi và bồi thường.

Ngày 27/02/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Ph kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp thuận hủy Điều 1 đối với phần bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất của Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph.

Ngày 07/3/2018, ông Phạm Văn H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N có đơn kháng cáo (quá hạn) một phần Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Ông Lê Văn H trình bày:**Việc cấp Giấy CNQSDĐ số AB342866 ngày 08/8/2005 cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H và ban hành 07 quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố Ph, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N là trái với quy định của pháp luật, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N trình bày:**Các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đều ban hành đúng quy định của pháp luật. Không đồng ý với bản án sơ thẩm đối với nội dung hủy Điều 1 của Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc “Giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H1”. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về nội dung hủy Điều 1 của quyết định này và tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph trình bày:** Các quyết định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph đều ban hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về nội dung hủy Điều 1 đối với phần bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất của Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph, các phần khác giữ nguyên.

#### **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phần hỏi, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa cũng như phần tranh luận nhận thấy rằng bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử có căn cứ và đúng

pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của tất cả các đương sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ tạm ứng án phí đương sự kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Ngày 07/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N có đơn kháng cáo (quá hạn) một phần Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã xét kháng cáo quá hạn và đã ban hành quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên các đương sự này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt hoặc có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện khởi kiện các quyết định được giải quyết trong vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là đúng.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] ông H, bà H1 khởi kiện yêu cầu:

[2.1.1] Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã Ph cấp cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H (nay là UBND thành phố Ph);

[2.1.2] Huỷ Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

[2.1.3] Huỷ Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 – 1964 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

[2.1.4] Huỷ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị H1;

[2.1.5] Huỷ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà

49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph;

[2.1.6]Huỷ Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBNDthành phố Ph về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

[2.1.7] Huỷ Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).

***[2.2]Xét yêu cầu huỷ Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Viết tắt là Quyết định số 2808).***

[2.2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 là đúng thẩm quyền.

[2.2.2] Về nội dung, trình tự thủ tục ban hành Quyết định:

Điều 40 Luật Đất đai 2003 quy định “Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo quy định của Chính phủ. Việc thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật này”.

Điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án khu dân cư (bao gồm dự án hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở), trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp trong các trường hợp “Các dự án trong khu vực mở rộng khu đô thị hiện có hoặc khu đô thị mới được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung xây dựng đô thị hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Ngày 09/3/2010, UBND tỉnh N ban hành Quyết định 482/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1) thành phố Ph; ngày 26/3/2010 UBND tỉnh N ban hành Quyết định 297/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ đề xuất và chấp thuận chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1) phố Ph;

Trong các ngày 14/6/2010, ngày 01/7/2010 và ngày 14/3/2011, UBND tỉnh N đã ban hành các Thông báo số 43/TB-UBND, Thông báo số 53/TB-UBND, Thông báo số 21/TB-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường giải mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị Đông Bắc (Khu K1).

Ngày 10/9/2012 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Rang - Tháp Chàmđã có Tờ trình số 1794/TTr-TNMR về việc đề nghị UBND thành phố Phan Rang -Tháp Chàm ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị H1 (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 2(10) phường T).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 60 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N quy định về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, ngày 21/9/2012 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Lê Thị H1.

Như vậy, việc UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc thu hồi đất của hộ bà Lê Thị H1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 về việc hủy quyết định này là có cơ sở.

***[2.3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 - 1964 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1) (viết tắt là Quyết định số 2849).***

[2.3.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm ban hành quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 là đúng thẩm quyền

[2.3.2] Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định:

Ngày 21/9/2012 UBND thành phố Phan Rang –Tháp Chàm ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Phan Rang –Tháp Chàm (Khu K1).

UBND tỉnh N ban hành các Quyết định: Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 về việc quy định giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh N; Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc quy định giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Thuận; Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 về việc ban hành Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh N; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 23/12/2012 về việc điều chỉnh đơn giá trung bình để hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1).

Ngày 21/9/2012, UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2839/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1). Cùng ngày, UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 - 1964 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).

Điều 63 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N quy định: “*Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, tổ*

*chức trực tiếp thực hiện bồi thường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng trường hợp thu hồi đất; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định bồi thường”.*

Như vậy, Quyết định số 2849 ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph được ban hành đúng trình tự, thủ tục.

[2.3.3] Về nội dung của Quyết định số 2849:

Xét nguồn gốc sử dụng đất: Diện tích 381m<sup>2</sup> đất hộ bà Lê Thị H1 sử dụng và bị thu hồi có nguồn gốc của cha mẹ bà là ông Lê Văn N và bà Lý Thị Ch cho để vợ chồng bà xây dựng nhà ở từ năm 1992. Tuy nhiên, đến ngày 06/5/1993, vợ chồng ông Lê Văn N, bà Lý Thị Chuồng mới chính thức lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H1, ông H với diện tích 600m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 55, tờ bản đồ địa chính số 01, phường T. Quá trình sử dụng đất, năm 2002 - 2003 hộ bà Lê Thị H1 đã thực hiện chuyển nhượng diện tích 207m<sup>2</sup> cho ông Trần Thanh S 100m<sup>2</sup>; ông Phan Thanh S1 107m<sup>2</sup>). Nhưng năm 2004, khi lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ hộ bà H1 không kê khai phần diện tích đã sang nhượng, nên ngày 08/8/2005, Ủy ban nhân dân thị xã Ph đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB342866 cho hộ bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H với tổng diện tích là 603m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 94, tờ bản đồ địa chính số 2-(10), phường T, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm.

Về thời điểm xây dựng nhà ở của bà H1, theo Biên bản làm việc trong quá trình thanh tra của Thanh tra tỉnh với UBND phường T, người am hiểu về ruộng đất đều khẳng định bà H1 đã xây dựng nhà ở trước năm 1993. Cụ thể trong Báo cáo số 357/BC-TTT ngày 15/12/2015 Thanh tra tỉnh cũng khẳng định bà H1 có nhà ở với diện tích xây dựng 67,04m<sup>2</sup> thời điểm xây dựng trước năm 1992.

Mặt khác, theo hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 năm 2005 cũng đều ghi hiện trạng thửa đất đề nghị cấp Giấy có nhà ở từ trước năm 1993 (Biên bản kiểm tra thực tế về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường; Tờ khai lệ phí trước bạ). Như vậy, có thể khẳng định thửa đất bà H1 bị thu hồi 381m<sup>2</sup> thuộc thửa số 94, tờ bản đồ địa chính số 2-(10) đã có nhà ở ổn định từ trước ngày 15/10/1993.

Năm 2005 khi UBND thị xã Ph (nay là thành phố Ph) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H1 phải thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích nhà ở gắn liền với đất, vì bà H1 đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất này từ năm 1992, theo như hướng dẫn tại khoản 1 Điều 44 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/4/2004 của Chính phủ quy định. Tuy nhiên, UBND thị xã đã không thực hiện theo đúng quy định trên, dẫn đến trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà H1 không thể hiện tài sản là nhà ở gắn liền với đất.

Với những sai sót đó, lẽ ra ngày 21/9/2012 khi Ủy ban thành phố ban hành Quyết định số 2849 về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1, UBND thành phố Ph phải vận dụng điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định

84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, và điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định 466/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh N quy định: “Về hạn mức giao đất ở của mỗi hộ gia đình cá nhân tại địa bàn thành phố Ph là  $150m^2$ /một lô đất ở” để khi tiến hành bồi thường diện tích  $381m^2$  đất cho hộ bà H1 phải bồi thường phần diện tích đất ở theo định mức.

Khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ:

*“2. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích vào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; .....”*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Quyết định 2380/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 quy định về bồi thường nhà, công trình xây dựng trên đất:

*“1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt (bao gồm: nhà bếp, sân, giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh, cống, tường rào, lối đi, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà kho, nơi để thức ăn gia súc, gia cầm, nơi để chất đốt, nơi để ô tô) của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ Xây dựng ban hành. Giá trị xây dựng mới của nhà, công trình được tính theo diện tích xây dựng đối với nhà một tầng và diện tích sàn đối với nhà nhiều tầng, công trình nhân với đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Chính phủ.”*

Căn cứ các quy định trên, khi thu hồi diện tích  $381m^2$  đất của hộ bà Lê Thị H1 có phần tài sản và vật kiến trúc trên đất UBND thành phố phải bồi thường cho hộ bà H1 chứ không phải là hỗ trợ với mức 80% như tại Điều 1 Quyết định 2849.

Từ những nội dung đã phân tích trên, Điều 1 của Quyết định 2849, UBND thành phố Ph chỉ bồi thường cho hộ bà H1 toàn bộ diện tích  $381m^2$  theo giá đất nông nghiệp và hỗ trợ với mức 80% tài sản, vật kiến trúc trên đất là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 hủy Điều 1 đối với phần bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất của Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph là có căn cứ.

***[2.4] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị H1:***

Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph ban hành không đúng pháp luật nhưng Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 giải quyết

khieu nại cho bà Lê Thị H1 giữ nguyên Quyết định số 2849 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 hủy Điều 1 đối với phần “*giữ nguyên Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph*” của Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph là phù hợp với quy định của pháp luật.

***[2.5] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của Bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà 49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph:***

Do Quyết định giải quyết khiếu nại số 308/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh N có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 869/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Ph. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 hủy Điều 1 của quyết định này là có căn cứ.

***[2.6] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất (viết tắt là Quyết định số 8327).***

[2.6.1] Ngày 24/12/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N có Văn bản số 1659/TTPTQĐ-BTGPMB về việc đề nghị ban hành quyết định cưỡng chế 03 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất tại dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1) trong đó có hộ bà Lê Thị H1. Sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ph thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi bồi thường, quá trình mời vận động hộ bà H1 bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố và Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 17/11/2016 của UBND phường T về việc vận động các hộ bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án khu đô thị mới Đông Bắc trong đó có hộ bà Lê Thị H1.

Ngày 26/12/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Tờ trình số 2006a/TTr-TNMT về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với 08 hộ sử dụng đất tại phường T (trong đó có hộ bà H1) thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu KI).

Trên cơ sở đó, ngày 26/12/2016 Chủ tịch UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 8327/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Lê Thị H1.

Căn cứ Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc Chủ tịch UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Lê Thị H1 là đúng trình tự, thủ tục.

[2.6.2] Về nội dung của quyết định:



Các quyết định thu hồi và quyết định bồi thường đối với hộ bà Lê Thị H1 đã có hiệu lực thi hành Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND thành phố Ph và UBND phường T, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường T, Công ty cổ phần Thành Đông nhiều lần mời hộ bà H1 đến để nhận tiền bồi thường và vận động bàn giao mặt bằng những hộ bà H1 vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành bàn giao mặt bằng. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phát hiện sai sót khi thu hồi thiếu phần diện tích của hộ bà Lê Thị H1 nên UBND thành phố Ph đã khắc phục và ban hành các Quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung cho hộ bà H1. Cụ thể, ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph đã ban hành các Quyết định số 1062/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung diện tích 74,9m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 1064/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 27.623.120 đồng.

Như vậy, Quyết định số 8327 ban hành đã đảm bảo quyền lợi của hộ bà H1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà H1 là có căn cứ.

***[2.7] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1):***

[2.7.1] Ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bổ sung do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch Khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1).

Ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch Khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1). Trên cơ sở đó, ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1064/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).

Như vậy, Quyết định số 1064 ngày 10/8/2017 được UBND thành phố Ph ban hành đúng trình tự thủ tục.

[2.7.2] Về nội dung của quyết định:

Ngày 10/8/2017 UBND thành phố Ph ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND thu hồi bổ sung 74,9m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác do hộ bà Lê

Thị H1 sử dụng tại phường Thành Sơn, thành phố Ph thuộc thửa đất số 94, tờ Bản đồ số 2-(10) để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph.

Hộ bà Lê Thị H1 bị thu hồi đất nông nghiệp nên được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp tại địa bàn thành phố Ph là 70.000 đồng/m<sup>2</sup> theo Quyết định số 92/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh N.

Khoản 2 Điều 30 Quyết định 2380/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh N quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm”*.

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của UBND tỉnh N quy định giá đất ở trung bình của khu vực đất thu hồi là 996.000 đồng/m<sup>2</sup>. Như vậy, ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp 70.000 đồng/m<sup>2</sup>, hộ bà H1 còn được hỗ trợ 30% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất là 298.800 đồng/m<sup>2</sup>.

Đôi chiếu với quy định trên, Quyết định số 1064 ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 về việc hủy quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

***[2.8] Xét yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã Ph cấp cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H (nay là UBND thành phố Ph):***

Thửa đất của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 nằm trong vùng đất bị thu hồi để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (Khu K1) và đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H xác định phần đất này đã bị thu hồi sử dụng thực hiện dự án và dự án đã hoàn thành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, chấp nhận là đúng quy định của pháp luật.

[2.9] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Ph. Yêu cầu bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1: Như đã phân tích ở nội dung bản án phần [2.3], [2.4], [2.5] nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Ph.

[2.10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 và kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Ph, tỉnh N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố Ph phải chịu 300.000 đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh N phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012183 ngày 30/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 và UBND thành phố Ph phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 và kháng cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố Ph, tỉnh N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 về việc:

2.1. Hủy Điều 1 đối với phần bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất của Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị H1 - 1964 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

2.2. Hủy Điều 1 đối với phần “Giữ nguyên Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph” của Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Ph về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị H1;

2.3. Hủy Điều 1 của Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của Bà Lê Thị H1, cư ngụ số nhà 49/33/2 đường Ng, phường T, thành phố Ph;

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 về việc:

3.1. Hủy Giấy CNQSDĐ số AB342866 ngày 08/8/2005 của UBND thị xã Ph cấp cho bà Lê Thị H1 và ông Lê Văn H (nay là UBND thành phố Ph);

3.2. Hủy Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của UBND thành phố Ph về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị H1 sử dụng tại phường T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1);

3.3. Hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ph về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

3.4. Hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Ph về việc bồi thường, hỗ trợ bồi sung cho hộ bà Lê Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố Ph (khu K1).

4. Về án phí:

4.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố Ph phải chịu 300.000 đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh N phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012183 ngày 30/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố Ph phải chịu 300.000 đồng. Số tiền Ủy ban nhân dân thành phố Ph đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013968 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án tỉnh Ninh Thuận được khấu trừ vào tiền án phí phúc thẩm Ủy ban nhân dân thành phố Ph phải nộp.

Ông Lê Văn H và bà Lê Thị H1 phải chịu mỗi người 300.000 đồng. Số tiền ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 đã nộp 300.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013965 và 0013966 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án tỉnh Ninh Thuận được khấu trừ vào tiền án phí phúc thẩm ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1 phải nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
- NKK (2);
- NBK (3);
- Lưu VP(6). HS (2). 18b (NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huỳnh**